

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, quản lý tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về:

1. Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Quy trình nghiệp vụ thực hiện chế độ báo cáo trên các hệ thống thông tin để tạo lập dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan trung ương khác; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia (gọi tắt là Hệ thống) là hệ thống thông tin được xây dựng trên cơ sở nâng cấp Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư để cập nhật, tích hợp, lưu trữ, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ các hoạt động giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia trên phạm vi cả nước, hệ thống bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia là tập hợp thông tin, dữ liệu về các chương trình mục tiêu quốc gia được số hóa, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước.

b) Phần mềm nghiệp vụ quản lý thông tin về:

Kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia bao gồm các mục tiêu, nhiệm vụ, danh mục chương trình, dự án thành phần, dự án đầu tư công; lập, phân bổ, giao, bổ sung, điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm, hằng năm theo từng giai đoạn 5 năm.

Báo cáo chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và quản lý tài chính các chương trình mục tiêu quốc gia theo từng giai đoạn 5 năm; các báo cáo theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Dự toán chương trình mục tiêu quốc gia bao gồm lập, phân bổ, thông báo, giao, điều chỉnh, bổ sung kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm trong từng giai đoạn 5 năm.

2. Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia là hệ thống thông tin của chủ chương trình xây dựng thống nhất trên phạm vi cả nước để chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình tại trung ương và địa

phương cập nhật thông tin về tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, hoạt động của 01 chương trình mục tiêu quốc gia và phục vụ công tác quản lý chương trình trên môi trường mạng.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Xây dựng Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số và tuân theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Hệ thống được cập nhật thường xuyên, kịp thời, đầy đủ, thống nhất từ địa phương đến trung ương; ứng dụng giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp.

4. Việc tạo lập, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các hệ thống thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định pháp luật về tiếp cận thông tin, bảo mật thông tin dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin mạng, giao dịch điện tử.

Chương II
XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 5. Xây dựng Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Thiết kế, xây dựng Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia tại Bộ Tài chính để thống nhất kết nối, tích hợp dữ liệu từ các hệ thống thông tin có liên quan đến quản lý chương trình mục tiêu quốc gia. Bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu cơ bản về chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: các thông tin trên các Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia; dữ liệu thay đổi của chương trình, dự án thành phần thuộc chương trình trong quá trình thực hiện.

b) Cơ sở dữ liệu về kết quả xây dựng văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp và các tài liệu có liên

quan đến kết quả kiểm toán, thanh tra, việc thực hiện kết luận của kiểm toán, thanh tra, các đoàn giám sát của Quốc hội và cơ quan có thẩm quyền.

c) Cơ sở dữ liệu về lập, giao, phân bổ ngân sách nhà nước (gồm: vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên) chương trình mục tiêu quốc gia; kết quả giải ngân ngân sách nhà nước (gồm: vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên) tại các cấp; kết quả đánh giá tình hình sử dụng nguồn lực tài chính cho chương trình mục tiêu quốc gia gắn với kết quả đầu ra và các nội dung khác có liên quan tại các cấp.

d) Cơ sở dữ liệu về giao, phân bổ, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm; lập, giao, phân bổ, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng năm các chương trình mục tiêu quốc gia.

đ) Cơ sở dữ liệu về giao, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ và thông báo mức vốn sự nghiệp ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; giao, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ hằng năm; kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án thành phần, các chỉ tiêu đầu vào, đầu ra, chỉ số đánh giá kết quả thực hiện, đánh giá tác động của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

e) Cơ sở dữ liệu khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thiết lập Hệ thống và thiết kế, xây dựng công cụ, chức năng tích hợp trên Hệ thống để tích hợp thông tin, dữ liệu từ các hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công, Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các hệ thống thông tin khác có liên quan.

3. Thu thập chuẩn hóa, nhập dữ liệu; lưu trữ, bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin trong Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguồn thu thập, tạo lập dữ liệu và danh mục chuẩn hóa dữ liệu liên thông trong xây dựng Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Nguồn thu thập, tạo lập dữ liệu xây dựng Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Thu thập thông tin, dữ liệu thông qua tích hợp, liên thông dữ liệu từ các hoạt động nghiệp vụ trên các hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công, Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các hệ thống khác có liên quan vào Hệ thống.

b) Thu thập trực tiếp trên Hệ thống.

c) Khai thác, chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; trích, chọn và đồng bộ dữ liệu liên quan từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương; từ số hóa, chuẩn hóa thông tin từ hồ sơ quản lý của cơ quan nhà nước và từ nguồn khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan (nếu có).

2. Danh mục chuẩn hóa dữ liệu liên thông từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành vào Hệ thống

a) Danh mục chuẩn thông tin và quy định kỹ thuật về dữ liệu được áp dụng trong tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ các Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia được quy định tại Phụ lục I.

b) Danh mục chuẩn thông tin và quy định kỹ thuật về dữ liệu được áp dụng trong tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính được quy định tại Phụ lục II.

c) Danh mục chuẩn thông tin và quy định kỹ thuật về dữ liệu được áp dụng trong tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công được quy định tại Phụ lục III.

Điều 7. Xây dựng phân hệ nghiệp vụ trên các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thu thập dữ liệu xây dựng Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Xây dựng phân hệ nghiệp vụ trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công:

a) Xây dựng phân hệ nghiệp vụ dự toán ngân sách nhà nước cho từng chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Xây dựng phân hệ nghiệp vụ kế hoạch đầu tư công cho từng chương trình mục tiêu quốc gia;

c) Xây dựng, duy trì các biểu mẫu thu thập, tạo lập thông tin trực tuyến về kết quả phân bổ dự toán, giải ngân ngân sách nhà nước hằng năm (gồm: chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp.

2. Xây dựng cấu trúc dữ liệu, phân hệ nghiệp vụ trên từng Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia:

a) Xây dựng cấu trúc dữ liệu; xây dựng, duy trì các biểu mẫu thu thập, tạo lập thông tin trực tuyến về các chỉ tiêu đầu vào, chỉ tiêu đầu ra, chỉ số đo lường kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ (gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) của 01 chương trình mục tiêu quốc gia theo ngành, lĩnh vực, chi tiết

đến nội dung, dự án thành phần và các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

b) Xây dựng và triển khai các chức năng báo cáo trực tuyến về kết quả ban hành văn bản quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp và thông báo mức kinh phí sự nghiệp giai đoạn 5 năm, chỉ tiêu giao mục tiêu, nhiệm vụ cho từng cơ quan chủ quản chương trình trên Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 8. Quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Quản lý Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý và kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các hệ thống thông tin khác có liên quan.

b) Các hoạt động quản lý, quản trị dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. Đối tượng khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Các cơ quan quản lý nhà nước các cấp khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo thẩm quyền, phạm vi, lĩnh vực quản lý.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia theo phạm vi quản lý và tuân thủ quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin.

3. Dữ liệu được tra cứu, khai thác từ Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều này có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy trong các hoạt động có liên quan đến quản lý nhà nước về các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia là tham chiếu gốc phục vụ tra cứu, khai thác để thực hiện các thủ tục có liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp.

Chương III

QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRÊN CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỂ TẠO LẬP DỮ LIỆU TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 9. Quy trình nghiệp vụ về lập, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, mức vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm của các chương trình mục tiêu quốc gia trên các hệ thống thông tin

1. Quy trình nghiệp vụ về lập, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công

a) Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần nhập phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương cho từng cơ quan chủ quản chương trình và đăng tải các tài liệu kèm theo.

b) Bộ Tài chính tổng hợp phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn; đồng thời, thông báo phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn dự kiến cho các cơ quan chủ quản chương trình.

Việc bổ sung, cập nhật, điều chỉnh thông tin, phương án trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c) Sau khi cấp có thẩm quyền quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ Tài chính đăng tải quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương cho các cơ quan chủ quản chương trình trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

d) Cơ quan chủ quản chương trình nhập kết quả phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách nhà nước (đã bao gồm vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương) cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc và đăng tải quyết định giao của cấp có thẩm quyền trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

đ) Bộ Tài chính thực hiện việc tích hợp dữ liệu về lập, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của các chương trình mục tiêu quốc gia từ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công vào Hệ thống.

2. Quy trình nghiệp vụ về giao, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và mức vốn sự nghiệp giai đoạn 5 năm trên từng Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia

a) Sau khi cấp có thẩm quyền quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ, chủ chương trình đăng tải quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ; thông báo mức vốn

sự nghiệp ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm cho các cơ quan chủ quản chương trình trên từng Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Cơ quan chủ quản chương trình nhập kết quả thông báo mức vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước (đã bao gồm mức vốn dự kiến hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương) của từng chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc và đăng tải văn bản thông báo của cấp có thẩm quyền trên từng Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Chủ chương trình thực hiện việc tích hợp dữ liệu về giao mục tiêu, nhiệm vụ và thông báo mức vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia từ Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia vào Hệ thống.

3. Thời gian thực hiện cập nhật dữ liệu báo cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này cùng thời điểm thực hiện chế độ báo cáo về lập, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm theo quy định Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của Bộ Tài chính, chủ chương trình.

Điều 10. Quy trình nghiệp vụ về lập, giao, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, dự toán, kế hoạch đầu công vốn ngân sách nhà nước hằng năm và kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân dự toán, kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước hằng năm các chương trình mục tiêu quốc gia trên các hệ thống thông tin

1. Quy trình nghiệp vụ về giao mục tiêu, nhiệm vụ hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia trên Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia

a) Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần rà soát, tổng hợp, hoàn thiện đề xuất phương án giao mục tiêu, nhiệm vụ năm sau của chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trên Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia; tích hợp phương án đề xuất, báo cáo thuyết minh cơ sở đề xuất phương án từ Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia vào Hệ thống.

b) Sau khi cấp có thẩm quyền quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ năm sau, chủ chương trình đăng tải quyết định của cấp có thẩm quyền giao mục tiêu, nhiệm vụ năm sau cho các cơ quan chủ quản chương trình trên từng Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia; tích hợp dữ liệu giao mục tiêu, nhiệm vụ hằng năm trên Hệ thống thông tin quản lý chương trình

mục tiêu quốc gia vào Hệ thống.

2. Quy trình nghiệp vụ về lập, giao, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công

a) Cơ quan chủ quản giao cơ quan, cấp trực thuộc nhập dữ liệu báo cáo đề xuất nhu cầu dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm sau thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

b) Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần rà soát, tổng hợp và nhập đề xuất nhu cầu dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm sau của từng chương trình trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

c) Sau khi có số thông báo dự kiến dự toán ngân sách trung ương (bao gồm: vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên) năm sau của từng chương trình, chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần nhập dữ liệu báo cáo phương án phân bổ dự toán chi ngân sách trung ương (bao gồm: chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên), kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm sau của từng chương trình cho các cơ quan chủ quản chương trình và đăng tải kèm theo báo cáo giải trình trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

d) Sau khi cấp có thẩm quyền quyết định giao dự toán, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm sau, Bộ Tài chính đăng tải quyết định giao dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm sau cho các cơ quan chủ quản chương trình trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

đ) Cơ quan chủ quản chương trình tại trung ương và địa phương giao cơ quan, cấp trực thuộc nhập dữ liệu báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách địa phương tự cân đối) cho các cơ quan, đơn vị cấp trực thuộc trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

e) Bộ Tài chính thực hiện việc tích hợp dữ liệu về lập, giao, điều chỉnh dự toán, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm từ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công vào Hệ thống.

3. Thời hạn thực hiện nhập dữ liệu báo cáo trực tuyến quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này thực hiện cùng thời điểm thực hiện quy trình lập, giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định Luật Ngân sách nhà nước,

Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Quy trình nghiệp vụ về cập nhật dữ liệu về điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, dự toán, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm và kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân dự toán, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có) trên các hệ thống thông tin

a) Cập nhật dữ liệu về điều chỉnh, bổ sung dự toán, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm và kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân dự toán, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm của các chương trình mục tiêu quốc gia trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Cập nhật dữ liệu về điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia trên Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo hướng dẫn của từng chủ chương trình.

c) Bộ Tài chính, chủ chương trình thực hiện việc tích hợp dữ liệu điều chỉnh, bổ sung từ các hệ thống thông tin vào Hệ thống.

Điều 11. Quy trình nghiệp vụ báo cáo kết quả xây dựng văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp và các tài liệu có liên quan trên các hệ thống thông tin

1. Cơ quan chủ quản chương trình tại trung ương và địa phương giao cơ quan, cấp trực thuộc thực hiện cập nhật dữ liệu về kết quả ban hành các văn bản quản lý chung về quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia; kết quả thực hiện các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán, các đoàn giám sát Quốc hội và các cơ quan có liên quan về tình hình thực hiện chương trình, dự án thành phần (nếu có) trên từng Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần và các cơ quan có liên quan cập nhật dữ liệu báo cáo kết quả ban hành văn bản quản lý, điều hành tổ chức thực hiện; kết quả thực hiện các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán, các đoàn giám sát của Quốc hội và các cơ quan có liên quan về từng chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thành phần (nếu có) trên từng Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Chủ chương trình thực hiện việc tích hợp dữ liệu về kết quả xây dựng văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp và các tài liệu có liên quan trên các hệ thống tin vào Hệ thống.

Điều 12. Quy trình nghiệp vụ về báo cáo tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia định kỳ hằng tháng trên các hệ thống thông tin

1. Trước ngày 20 hằng tháng, cơ quan chủ quản chương trình giao cơ quan, cấp trực thuộc cập nhật dữ liệu báo cáo tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các hệ thống thông tin như sau:

a) Cập nhật dữ liệu về kết quả thực hiện nội dung, hoạt động, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ (nếu có) trên Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Cập nhật dữ liệu về phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước từ đầu năm đến thời điểm báo cáo của từng chương trình mục tiêu quốc gia; kết quả huy động nguồn lực; khó khăn, vướng mắc (nếu có) trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

2. Trước ngày 23 hằng tháng, chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần tổng hợp các dữ liệu báo cáo từ các cơ quan chủ quản chương trình trên các hệ thống thông tin; tích hợp dữ liệu đánh giá tình hình thực hiện chương trình từ Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia vào Hệ thống.

3. Trước ngày 28 hằng tháng, Bộ Tài chính tích hợp:

a) Dữ liệu về kết quả phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước từ đầu năm đến thời điểm báo cáo chi tiết theo ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên từng chương trình mục tiêu quốc gia và khó khăn, vướng mắc (nếu có) từ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công vào Hệ thống.

b) Dữ liệu về kết quả sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính vào Hệ thống.

4. Trước kỳ họp Thường trực Chính phủ hằng tháng, Bộ Tài chính tổng hợp dữ liệu trên Hệ thống, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời, tích hợp, kết nối dữ liệu báo cáo vào Hệ thống thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Quy trình nghiệp vụ về báo cáo tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng, 9 tháng, cả năm, giữa giai đoạn, cuối giai đoạn hoặc đột xuất trên các hệ thống thông tin

1. Cơ quan chủ quản chương trình giao cơ quan, cấp trực thuộc cập nhật dữ liệu báo cáo tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng, 9 tháng, cả năm, giữa giai đoạn, cuối giai đoạn hoặc đột xuất trên các hệ thống thông tin theo phân cấp quản lý. Nội dung báo cáo trên các hệ thống thông tin thực hiện như sau:

a) Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ trong 6 tháng đầu năm, 9 tháng, cả năm, đánh giá giữa giai đoạn, đánh giá cuối giai đoạn hoặc đánh giá đột xuất trên từng Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Báo cáo kết quả huy động các nguồn lực; kết quả sử dụng nguồn lực trong 6 tháng đầu năm, 9 tháng, cả năm, đánh giá giữa giai đoạn, đánh giá cuối giai đoạn hoặc đánh giá đột xuất trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

2. Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần tổng hợp, tích hợp dữ liệu báo cáo từ các cơ quan chủ quản chương trình; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình trong 6 tháng đầu năm, 9 tháng, cả năm, đánh giá giữa giai đoạn, đánh giá cuối giai đoạn hoặc đánh giá đột xuất của từng chương trình mục tiêu quốc gia trên Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia vào Hệ thống.

3. Bộ Tài chính tích hợp dữ liệu về kết quả huy động, sử dụng vốn huy động; kết quả phân bổ, giải ngân, sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình trong 6 tháng đầu năm, 9 tháng, cả năm, đánh giá giữa giai đoạn, đánh giá cuối giai đoạn hoặc đánh giá đột xuất của các chương trình mục tiêu quốc gia từ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công và Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính vào Hệ thống.

4. Bộ Tài chính, chủ chương trình tổng hợp các dữ liệu từ Hệ thống để thực hiện các chế độ báo cáo hằng năm gửi cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Thời điểm thực hiện cập nhật dữ liệu báo cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này thực hiện cùng thời điểm thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trung ương

1. Trách nhiệm của chủ chương trình mục tiêu quốc gia:

a) Xây dựng hoặc hoàn thiện Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia vào Hệ thống theo quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần thực hiện cập nhật dữ liệu báo cáo về chương trình mục tiêu quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý trên các hệ thống thông tin theo quy định tại Quyết định này.

c) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật thực hiện chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Trách nhiệm của chủ dự án thành phần:

a) Thực hiện cập nhật thông tin, báo cáo về nội dung, dự án thành phần thuộc lĩnh vực quản lý trên Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Phối hợp với chủ chương trình tổng hợp dữ liệu báo cáo về dự án thành phần thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định tại Quyết định này.

3. Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan chủ quản chương trình phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc thực hiện quy trình báo cáo trực tuyến về các chương trình mục tiêu quốc gia theo phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý trên từng hệ thống thông tin theo quy định tại Quyết định này.

4. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Thiết lập Hệ thống theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Thống nhất nội dung dữ liệu, các biện pháp kỹ thuật thực hiện, tích hợp dữ liệu từ các Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công, Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính, các Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các hệ thống thông tin khác có liên quan vào Hệ thống.

c) Cập nhật, bổ sung các công cụ báo cáo trực tuyến khác có liên quan đến giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia trên Hệ thống.

d) Chia sẻ, tích hợp dữ liệu báo cáo về kết quả phân bổ, giao, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp từ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công vào Hệ thống theo quy định tại Quyết định này.

đ) Chia sẻ, tích hợp dữ liệu báo cáo về kết quả giải ngân vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên) của từng chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính vào Hệ thống theo quy định tại Quyết định này.

e) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ xây dựng các chỉ số theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ được giao của các chương trình mục tiêu quốc gia; kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của các bộ ngành địa phương có liên quan.

g) Xây dựng tài liệu hướng dẫn, tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Bộ Tài chính, chủ chương trình, chủ dự án thành phần và cơ quan chủ quản chương trình, theo phạm vi quản lý, chịu trách nhiệm số hóa các nội dung cơ sở dữ liệu về giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia đã hình thành từ đầu giai đoạn 2021 - 2025 đến trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành trên từng hệ thống thông tin.

2. Đối với các Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia đã hoạt động trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục duy trì thực hiện và hoàn thiện chia sẻ dữ liệu cho Hệ thống.

3. Đối với các Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chưa hoàn thành tính đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần và các cơ quan chủ quản chương trình tại trung ương và địa phương thực hiện các chỉ tiêu báo cáo hằng tháng, 6 tháng, 9 tháng, cả năm, đánh giá giữa giai đoạn, đánh giá cuối giai đoạn trên Hệ thống.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2025.

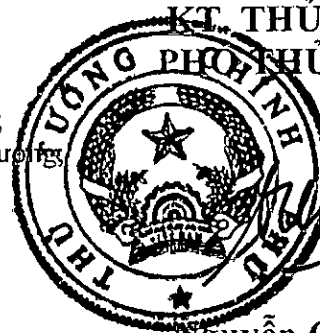
Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT⁽²⁾. 70

KT. THỦ TƯỚNG
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Chí Dũng



Phụ lục I

DANH MỤC CHUẨN THÔNG TIN VÀ QUY ĐỊNH KỸ THUẬT XỬ LÝ DỮ LIỆU ÁP DỤNG TRONG TÍCH HỢP, CHIA SẺ DỮ LIỆU TRONG HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. DANH MỤC CHUẨN THÔNG TIN

STT	Thông tin	Mô tả
1	Thông tin chung về chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG)	Thông tin chung về chương trình mục tiêu quốc gia
2	Thông tin về mục tiêu, nhiệm vụ	Chi tiết thông tin về mục tiêu, nhiệm vụ
3	Thông tin về văn bản quản lý, tổ chức thực hiện CTMTQG	Chi tiết thông tin về văn bản quản lý, tổ chức thực hiện CTMTQG
4	Thông tin về vốn sự nghiệp	Chi tiết thông tin về vốn sự nghiệp

II. QUY ĐỊNH VỀ DỮ LIỆU

1. Thông tin chung về chương trình mục tiêu quốc gia

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Mã đơn vị	MaDonVi	Số nguyên	Int		
2	Tên đơn vị	TenDonVi	Chuỗi ký tự	Nvarchar	500	
3	Mã chương trình mục tiêu quốc gia	MaCTMTQG	Số nguyên	Int		
4	Tên chương trình mục tiêu quốc gia	TenCTMTQG	Chuỗi ký tự	Nvarchar	1000	
5	Mã giai đoạn	MaGiaiDoan	Số nguyên	Int		
6	Tên giai đoạn	TenGiaiDoan	Chuỗi ký tự	Nvarchar	30	
7	Năm kế hoạch	NamKeHoach	Số nguyên	Int		

2. Thông tin về mục tiêu, nhiệm vụ

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Mã mục tiêu	MaMucTieu	Số nguyên	Int		Theo giai đoạn
2	Tên mục tiêu	TenMucTieu	Chuỗi ký tự	Nvarchar	1000	Theo hàng năm
3	Đơn vị đo lường	DonViDoLuong	Chuỗi ký tự	Nvarchar	100	Đơn vị đo lường của mục tiêu
4	Kỳ báo cáo	KyBaoCao	Chuỗi ký tự	Nvarchar	30	
5	Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ	ThucHienMucTieu	Chuỗi ký tự	Nvarchar	100	Theo kỳ báo cáo
6	Thời điểm báo cáo	ThoiDiemBaoCao	Chuỗi ký tự	Nvarchar	100	Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ tại thời điểm báo cáo
7	Ước cả năm	UocCaNam	Chuỗi ký tự	Nvarchar	100	Ước cả năm đối với việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ

3. Thông tin về văn bản quản lý, tổ chức thực hiện CTMTQG

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Mã loại văn bản	MaLoaiVanBan	Số nguyên	Int		Văn bản quy phạm pháp luật
2	Tên loại văn bản	TenLoaiVanBan	Chuỗi ký tự	Nvarchar	100	(phân loại theo: văn bản do Quốc hội ban hành, văn bản do Chính phủ ban hành, văn bản do Thủ tướng ban hành, văn bản do bộ, cơ quan trung ương ban hành, văn bản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành, văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành), văn bản thông thường.
3	Tên văn bản	TenVanBan	Chuỗi ký tự	Nvarchar	2000	
4	Cơ quan ban hành	CoQuanBanHanh	Chuỗi ký tự	Nvarchar	100	
5	Số ký hiệu	SoKyHieu	Chuỗi ký tự	Nvarchar	100	

4. Thông tin về vốn sự nghiệp

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài tối đa	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Mã dự án thành phần	MaDuAnTP	Số nguyên	Int		Thuộc dự án thành phần
2	Tên dự án thành phần	TenDuAnTP	Chuỗi ký tự	Nvarchar	2000	
3	Mã tiểu dự án	MaTieuDuAn	Số nguyên	Int		
4	Tên tiểu dự án	TenTieuDuAn	Chuỗi ký tự	Nvarchar	2000	
5	Mức vốn sự nghiệp	VonSuNghiep	Số thực	Numeric (18, 6)		Theo giai đoạn 5 năm: - Theo đơn vị - Chi tiết đến dự án thành phần, tiểu dự án thành phần (bao gồm: mức vốn thông báo lần đầu và mức vốn thông báo điều chỉnh, bổ sung)



Phụ lục II

DANH MỤC CHUẨN THÔNG TIN VÀ QUY ĐỊNH KỸ THUẬT DỮ LIỆU ÁP DỤNG TRONG TÍCH HỢP, CHIA SẺ DỮ LIỆU TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. DANH MỤC CHUẨN THÔNG TIN

STT	Thông tin	Mô tả
1	Thông tin chung về Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG)	Thông tin dùng chung về Chương trình mục tiêu quốc gia trên Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính
2	Thông tin về giải ngân	Chi tiết thông tin về giải ngân

II. QUY ĐỊNH VỀ DỮ LIỆU

1. Thông tin chung về Chương trình mục tiêu quốc gia

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Mã đơn vị	MaDonVi	Số nguyên	Int		
2	Tên đơn vị	TenDonVi	Chuỗi ký tự	Nvarchar	500	
3	Mã chương trình mục tiêu quốc gia	MaCTMTQG	Số nguyên	Int		
4	Tên chương trình mục tiêu quốc gia	TenCTMTQG	Chuỗi ký tự	Nvarchar	1000	
5	Mã giai đoạn	MaGiaiDoan	Số nguyên	Int		
6	Tên giai đoạn	TenGiaiDoan	Chuỗi ký tự	Nvarchar	30	
7	Năm kế hoạch	NamKeHoach	Số nguyên	Int		
8	Mã dự án thành phần	MaDuAnTP	Số nguyên	Int		
9	Tên dự án thành phần	TenDuAnTP	Chuỗi ký tự	Nvarchar	2000	
10	Mã tiêu dự án	MaTieuDuAn	Số nguyên	Int		Thuộc dự án thành phần

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
11	Tên tiểu dự án	TenTieuDuAn	Chuỗi ký tự	Nvarchar	2000	Gồm: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương
12	Mã nguồn vốn	MaNguonVon	Số nguyên	Int		
13	Tên Nguồn vốn	TenNguonVon	Chuỗi ký tự	Nvarchar	500	

2. Thông tin về giải ngân

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Kỳ báo cáo	KyBaoCao	Chuỗi ký tự	Nvarchar	30	
2	Giải ngân vốn trong nước	GiainganVTN	Số thực	Numeric (18, 6)		Theo kỳ báo cáo, chi tiết đến dự án thành phần, tiểu dự án thành phần
3	Giải ngân vốn nước ngoài	GiainganVNN	Số thực	Numeric (18, 6)		Theo kỳ báo cáo, chi tiết đến dự án thành phần, tiểu dự án thành phần
4	Giải ngân chi thường xuyên	GiainganCTX	Số thực	Numeric (18, 6)		Theo kỳ báo cáo, chi tiết đến dự án thành phần, tiểu dự án thành phần



Phụ lục III

DANH MỤC CHUẨN THÔNG TIN VÀ QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ DỮ LIỆU ĐƯỢC ÁP DỤNG TRONG TÍCH HỢP, CHIA SẺ DỮ LIỆU TỪ HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

(Kèm theo Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. DANH MỤC CHUẨN THÔNG TIN

STT	Thông tin	Mô tả
1	Danh mục Kết quả phân bổ Kế hoạch trung hạn	Kết quả phân bổ vốn đầu tư công trong giai đoạn trung hạn theo các chương trình, mục tiêu đối với từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương.
2	Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước	Chi tiết thông tin về dự toán ngân sách nhà nước
3	Danh mục Kế hoạch trung hạn đã giao chi tiết	Danh mục chi tiết kế hoạch trung hạn các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã giao theo dự án chi tiết.
4	Danh mục Kết quả phân bổ Kế hoạch hằng năm	Kết quả phân bổ vốn đầu tư công hằng năm theo các chương trình, mục tiêu đối với từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương.
5	Danh mục Kế hoạch hằng năm đã giao chi tiết	Danh mục chi tiết kế hoạch hằng năm các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã giao theo dự án chi tiết.

II. QUY ĐỊNH VỀ DỮ LIỆU

1. Danh mục Kết quả phân bổ Kế hoạch trung hạn

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Mã đơn vị	MaDonVi	Số nguyên	Int		Theo danh mục đơn vị trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công
2	Tên đơn vị	TenDonVi	Chuỗi ký tự	Nvarchar	500	
3	Mã giai đoạn	MaGiaiDoan	Số nguyên	Int		Tính theo năm đầu tiên của giai đoạn trung hạn
4	Tên giai đoạn	TenGiaiDoan	Chuỗi ký tự	Nvarchar	30	
5	Mã chương trình mục tiêu	MaCTMTQG	Số nguyên	Int		Theo danh mục chương trình,

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
	quốc gia					mục tiêu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công
6	Tên chương trình mục tiêu quốc gia	TenCTMTQG	Chuỗi ký tự	Nvarchar	1000	
7	Số vốn được phân bổ	VonPhanBo	Số thực	Numeric(18,6)		

2. Danh mục Kế hoạch trung hạn đã giao chi tiết

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Đơn vị	DonViID	Số nguyên	Int		Theo danh mục đơn vị trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công
2	Mã đơn vị	MaDonVi	Số nguyên	Int		Theo danh mục đơn vị trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công
3	Tên đơn vị	TenDonVi	Chuỗi ký tự	Nvarchar	500	
4	Mã giai đoạn	MaGiaiDoan	Số nguyên	Int		Tính theo năm đầu tiên của giai đoạn trung hạn
5	Tên giai đoạn	TenGiaiDoan	Chuỗi ký tự	Nvarchar	30	
6	Mã chương trình mục tiêu quốc gia	MaCTMTQG	Số nguyên	Int		Theo danh mục chương trình, mục tiêu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
7	Tên chương trình mục tiêu quốc gia	TenCTMTQG	Chuỗi ký tự	Nvarchar	1000	
8	Loại dự án	MaLoaiDuAn	Số nguyên	Int		Theo danh mục chương trình, mục tiêu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công
9	Tên loại dự án	TenLoaiDuAn	Chuỗi ký tự	Nvarchar	1000	
10	Tên dự án	TenDuAn	Chuỗi ký tự	Nvarchar	2000	
11	Địa điểm xây dựng	DiaDiemXayDung	Chuỗi ký tự	Nvarchar	2000	
12	Năng lực thiết kế	NangLucThietKe	Chuỗi ký tự	Nvarchar	2000	
13	Năm bắt đầu	NamBatDau	Số nguyên	Int		
14	Năm kết thúc	NamKetThuc	Số nguyên	Int		
15	Số quyết định	SoQuyetDinh	Chuỗi ký tự	Nvarchar	2000	
16	Tổng mức đầu tư	TMDT	Số thực	Numeric(18, 6)		
17	Tổng mức đầu tư ngân sách trung ương	TMDT_NSTW	Số thực	Numeric(18, 6)		
18	Tổng vốn được giao trong giai đoạn trung hạn	VonGiao	Số thực	Numeric(18, 6)		
19	Tổng vốn	VonGiao_NSTW	Số thực	Numeric(18,		

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
	ngân sách trung ương được giao trong giai đoạn trung hạn			6)		

3. Danh mục Kết quả phân bổ Kế hoạch hằng năm

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Mã đơn vị	MaDonVi	Số nguyên	Int		Theo danh mục đơn vị trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công
2	Tên đơn vị	TenDonVi	Chuỗi ký tự	Nvarchar	500	
3	Năm kế hoạch	NamKeHoach	Số nguyên	Int		
4	Mã chương trình mục tiêu quốc gia	MaCTMTQG	Số nguyên	Int		Theo danh mục chương trình, mục tiêu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công
5	Tên chương trình mục tiêu quốc gia	TenCTMTQG	Chuỗi ký tự	Nvarchar	1000	
6	Số vốn được phân bổ	VonPhanBo	Số thực	Numeric(18, 6)		

4. Danh mục Kế hoạch hằng năm đã giao chi tiết

TT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Mã đơn vị	MaDonVi	Số nguyên	Int		Theo danh mục đơn vị trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công
2	Tên đơn vị	TenDonVi	Chuỗi ký tự	Nvarchar	500	
3	Mã dự án	MaDuAn	Số nguyên	Int		
4	Năm kế hoạch	NamKeHoach	Số nguyên	Int		
5	Mã chương trình mục tiêu quốc gia	MaCTMTQG	Số nguyên	Int		Theo danh mục chương trình, mục tiêu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công
6	Tên chương trình mục tiêu quốc gia	TenCTMTQG	Chuỗi ký tự	Nvarchar	1000	
7	Lũy kế vốn đến năm trước năm kế hoạch	LuyKeDenNamTruoc	Số thực	Numeric (18, 6)		
8	Lũy kế vốn ngân sách trung ương đến năm trước năm kế hoạch	LuyKeDenNamTruoc_NSTW	Số thực	Numeric (18, 6)		
9	Lũy kế vốn ngân sách địa phương đến năm trước năm kế hoạch	LuyKeDenNamTruoc_NSDP	Số thực	Numeric (18, 6)		
10	Lũy kế giải ngân vốn đến	LuyKeGiaiNganDenNamTruoc	Số thực	Numeric (18, 6)		

TT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
	năm trước năm kế hoạch					
11	Lũy kế giải ngân vốn ngân sách trung ương đến năm trước năm kế hoạch	LuyKeGiaiNganDenNamTruoc_NSTW	Số thực	Numeric (18, 6)		
12	Lũy kế giải ngân vốn ngân sách địa phương đến năm trước năm kế hoạch	LuyKeGiaiNganDenNamTruoc_NSDP	Số thực	Numeric (18, 6)		
13	Vốn kéo dài	VonKeoDai	Số thực	Numeric (18, 6)		
14	Vốn kéo dài nguồn ngân sách trung ương	VonKeoDai_NSTW	Số thực	Numeric (18, 6)		
15	Vốn kéo dài nguồn ngân sách địa phương	VonKeoDai_NSDP	Số thực	Numeric (18, 6)		
16	Giải ngân vốn kéo dài	GiaiNganKeoDai	Số thực	Numeric (18, 6)		
17	Giải ngân vốn ngân sách trung ương kéo dài	GiaiNganKeoDai_NSTW	Số thực	Numeric (18, 6)		
18	Giải ngân vốn ngân sách địa phương kéo dài	GiaiNganKeoDai_NSDP	Số thực	Numeric (18, 6)		
19	Vốn đã giao	VonGiaoNamHienTai	Số thực	Numeric (18, 6)		
20	Vốn ngân sách trung	VonGiaoNamHienTai_NSTW	Số thực	Numeric (18, 6)		

TT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
	ương đã giao					
21	Vốn ngân sách địa phương đã giao	VonGiaoNamHienTai_NSDP	Số thực	Numeric (18,6)		
22	Giải ngân vốn năm kế hoạch	GiaiNganNamHienTai	Số thực	Numeric (18,6)		
23	Giải ngân vốn ngân sách trung ương năm kế hoạch	GiaiNganNamHienTai_NSTW	Số thực	Numeric (18,6)		
24	Giải ngân vốn ngân sách địa phương năm kế hoạch	GiaiNganNamHienTai_NSDP	Số thực	Numeric (18,6)		
25	Ghi chú	GhiChu	Số thực	Nvarchar (2000)		

5. Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước

STT	Trường dữ liệu	Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Mức vốn sự nghiệp	VonSuNghiep	Số thực	Numeric (18,6)		Vốn CTMTQG hằng năm theo nguồn vốn và chi tiết đến dự án thành phần, tiểu dự án thành phần
2	Chi thường xuyên	ChiThuongXuyen	Số thực	Numeric (18,6)		Vốn CTMTQG hằng năm chi tiết đến dự án thành phần, tiểu dự án thành phần